

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch năm 2026 Kỳ báo cáo: Tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Thông tư số 37/2025/TT-BTC ngày 12/6/2025 của Bộ Tài chính quy định về chế độ và biểu mẫu báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân vốn đầu tư công; trên cơ sở tổng hợp của Sở Tài chính tại Văn bản số 2032/STC-TH ngày 12/3/2026, UBND tỉnh Gia Lai báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công tháng 03 năm 2026 như sau:

I. Tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công

1. Giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch năm:

- Tổng số vốn được giao trong năm kế hoạch: **14.168,321** tỷ đồng, trong đó:

+ *Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài thời hạn giải ngân theo quy định: 888,570 tỷ đồng;*

+ *Vốn kế hoạch năm: Kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao là 13.182,731 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 1.120,931 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 12.061,800 tỷ đồng); Kế hoạch vốn Hội đồng nhân dân tỉnh giao là 13.279,751 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 1.155,951 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 12.123,800 tỷ đồng).*

- Lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề: **1.160,100 tỷ đồng**; so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đạt 8,80%; so với tổng kế hoạch được giao trong năm (bao gồm cả vốn kéo dài) đạt 8,19%; trong đó:

+ *Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: 9,784 tỷ đồng, đạt: 1,10% kế hoạch giao;*

+ *Giải ngân vốn kế hoạch năm do Hội đồng nhân dân tỉnh giao là: 1.150,316 tỷ đồng, đạt: 8,66% kế hoạch giao (bao gồm: (i) nguồn vốn được kiểm soát, giải ngân qua Kho bạc Nhà nước các cấp là: 1.150,316 tỷ đồng và (ii) nguồn vốn do các đơn vị khác được giao kiểm soát, giải ngân: Không có).*

- Ước lũy kế giải ngân vốn từ đầu năm đến hết tháng báo cáo: **1.525,170 tỷ đồng**, so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao đạt 11,57%; so với tổng kế hoạch được giao trong năm (bao gồm cả vốn kéo dài) đạt 10,76%; trong đó:

+ Giải ngân vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài là: **34,348 tỷ đồng**, đạt: 3,87% kế hoạch giao;

+ Giải ngân vốn kế hoạch năm là: **1.490,822 tỷ đồng**, đạt: 11,23% kế hoạch giao (bao gồm: (i) nguồn vốn được kiểm soát, giải ngân qua Kho bạc Nhà nước các cấp là: **1.490,822 tỷ đồng** và (ii) nguồn vốn do các đơn vị khác được giao kiểm soát, giải ngân: Không có).

(Báo cáo kèm theo Biểu tổng hợp số 01a/TTKHN)

2. Giải ngân vốn kế hoạch ứng trước (nếu có) và kết quả thực hiện vốn ứng trước chưa thu hồi:

2.1. Giải ngân vốn kế hoạch ứng trước (nếu có): Không có.

2.2. Kết quả giải ngân vốn ứng trước chưa thu hồi 06 tháng, cả năm: Không có

II. Báo cáo chuyên đề Chương trình mục tiêu quốc gia

1. Giải ngân vốn đầu tư công kế hoạch năm: Không có.

2. Giải ngân chi thường xuyên dự toán năm: Không có.

III. Nhận xét, đánh giá:

Nhìn chung, tính đến tháng 03 năm 2026, công tác giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh đã được các cấp, các ngành, chủ đầu tư quan tâm triển khai ngay từ đầu năm; việc phân bổ, giao kế hoạch vốn cơ bản được thực hiện kịp thời, tạo điều kiện cho các chủ đầu tư chủ động tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Tuy nhiên, kết quả giải ngân còn thấp so với yêu cầu đề ra và thấp hơn kỳ vọng, trong đó một số nguyên nhân cụ thể như sau:

- Nhiều dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện thủ tục đầu tư, phê duyệt thiết kế, dự toán, lựa chọn nhà thầu hoặc hoàn tất hồ sơ thanh toán khối lượng. Bên cạnh đó, một số dự án chưa đủ điều kiện để triển khai thi công đồng loạt, chưa phát sinh khối lượng nghiệm thu thanh toán.

- Dịp nghỉ Tết Nguyên đán kéo dài là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công trong tháng đầu năm. Thời gian làm việc thực tế trong 02 tháng đầu năm bị rút ngắn, dẫn đến việc lập, hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, kiểm soát chi qua Kho bạc Nhà nước và giải quyết các thủ tục liên quan chưa đạt tiến độ như kế hoạch.

IV. Giải pháp và kiến nghị:

- UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 10/01/2026 về việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công năm 2026, theo đó, yêu cầu các đơn vị khẩn trương, chủ động thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 đảm bảo mục tiêu hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công đạt hiệu quả, giúp cho công tác điều hành ngân sách trên địa bàn tỉnh được ổn định.

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư, trình phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư,... đúng thời hạn đối với các dự án khởi công mới, không để tình trạng tồn đọng hoặc kéo dài; tổ chức lựa chọn nhà thầu tư vấn và thi công xây dựng, đảm bảo các dự án khởi công mới được triển khai lựa chọn nhà thầu trước ngày 31/5/2026. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn cần rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ; nếu hồ sơ vượt thẩm quyền thì cần báo cáo kịp thời cấp có thẩm quyền để chỉ đạo giải quyết.

- Đối với các dự án vay vốn ODA: khẩn trương phối hợp hoàn thành các thủ tục đầu tư với Nhà tài trợ (nhất là các dự án chưa ký thỏa thuận với các nhà tài trợ); rà soát lại nhu cầu kế hoạch vốn nước ngoài năm 2026 để đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn (nếu có); đẩy nhanh tiến độ giải ngân theo đúng thời gian quy định và theo cam kết với nhà tài trợ.

- Đối với nhóm công tác bao gồm: (i) bồi thường, GPMB; (ii) khai thác vật liệu xây dựng thông thường, khoáng sản; (iii) chuyển đổi mục đích sử dụng rừng; (iv) thủ tục PCCC và ĐTM;... yêu cầu các Chủ đầu tư tích cực phối hợp với Sở, ngành và UBND các xã, phường và các đơn vị liên quan trong quá trình triển khai thực hiện dự án, tuyệt đối không được lơ là, đùn đẩy trách nhiệm hoặc chậm trễ trong xử lý công việc. Trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, phải kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền để xem xét, chỉ đạo giải quyết, bảo đảm tiến độ và hiệu quả thực hiện các dự án trên địa bàn, nhất là các dự án trọng điểm của tỉnh và quốc gia đi qua địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công tháng 03 năm 2026, UBND tỉnh Gia Lai kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp chung./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Xây dựng;
- KBNN Khu vực XV-Gia Lai;
- LĐ VPUBND tỉnh;
- Lưu VT, T5, T7. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

Biểu số 01a/TTKHN

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KẾ HOẠCH NĂM 2026 - THÁNG 03

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày tháng 03 năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Vốn kế hoạch				Lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng trước liền kề							Ước lũy kế vốn giải ngân từ đầu năm đến hết tháng báo cáo		
		Tổng số	Vốn kế hoạch năm trước được phép kéo dài (nếu có)	Vốn kế hoạch giao trong năm		Tổng số	Giải ngân vốn kế hoạch kéo dài			Giải ngân vốn kế hoạch năm			Tổng số	Trong đó	
				Kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch bộ, cơ quan trung ương/địa phương triển khai		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó			Thanh toán vốn kế hoạch kéo dài	Thanh toán vốn kế hoạch năm
					Thanh toán khối lượng hoàn thành	Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi			Thanh toán khối lượng hoàn thành		Vốn tạm ứng theo chế độ chưa thu hồi				
1	2	3=4+6	4	5	6	7=8+11	8=9+10	9	10	11=12+13	12	13	14=15+16	15	16
	TỔNG SỐ	14.168.321	888.570	13.182.731	13.279.751	1.160.100	9.784	9.784	-	1.150.316	481.519	668.797	1.525.170	34.348	1.490.822
*	VỐN NSNN (A)+(B) (1)+(2)	14.168.321	888.570	13.182.731	13.279.751	1.160.100	9.784	9.784	-	1.150.316	481.519	668.797	1.525.170	34.348	1.490.822
	(1) VỐN TRONG NƯỚC	13.712.773	888.570	12.727.183	12.824.203	1.158.073	9.784	9.784	-	1.148.288	479.491	668.797	1.511.462	34.348	1.477.114
	(2) VỐN NƯỚC NGOÀI	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	(A) VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.123.800	-	12.061.800	12.123.800	1.145.815	9.784	9.784	-	1.136.031	468.327	667.704	1.458.462	11.564	1.446.898
	(B) VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG; TRONG ĐÓ:	2.044.521	888.570	1.120.931	1.155.951	14.285	-	-	-	14.285	13.192	1.093	66.708	22.784	43.924
	Vốn NSTW đầu tư theo ngành, lĩnh vực; trong đó:	2.044.521	888.570	1.120.931	1.155.951	14.285	-	-	-	14.285	13.192	1.093	66.708	22.784	43.924
	Vốn trong nước	1.588.973	888.570	665.383	700.403	12.257	-	-	-	12.257	11.164	1.093	53.000	22.784	30.216
	Vốn nước ngoài	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó:	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn nước ngoài	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Vốn NSTW bổ sung ngoài kế hoạch được giao														
*	VỐN TỪ NGUỒN THU HỢP PHÁP CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP DÀNH ĐỂ ĐẦU TƯ THEO QUY ĐỊNH (A.2+B.2)														
	A. DỰ ÁN DO BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG QUẢN LÝ														
A.1	Vốn NSNN														
A.2	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định														
	BỘ...														
I	Vốn NSNN														
II	Vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định														
	BỘ...														
B	DỰ ÁN DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ	14.168.321	888.570	13.182.731	13.279.751	1.160.100	9.784	9.784	-	1.150.316	481.519	668.797	1.525.170	34.348	1.490.822
	Vốn trong nước	13.712.773	888.570	12.727.183	12.824.203	1.158.073	9.784	9.784	-	1.148.288	479.491	668.797	1.511.462	34.348	1.477.114
	Vốn nước ngoài; trong đó:	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B.1	Vốn NSNN	14.168.321	888.570	13.182.731	13.279.751	1.160.100	9.784	9.784	-	1.150.316	481.519	668.797	1.525.170	34.348	1.490.822
	Vốn trong nước	13.712.773	888.570	12.727.183	12.824.203	1.158.073	9.784	9.784	-	1.148.288	479.491	668.797	1.511.462	34.348	1.477.114
	Vốn nước ngoài; trong đó:	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Vốn cân đối ngân sách địa phương	12.123.800	-	12.061.800	12.123.800	1.145.815	9.784	9.784	-	1.136.031	468.327	667.704	1.458.462	11.564	1.446.898
2	Vốn ngân sách trung ương	2.044.521	888.570	1.120.931	1.155.951	14.285	-	-	-	14.285	13.192	1.093	66.708	22.784	43.924
	Vốn trong nước	1.588.973	888.570	665.383	700.403	12.257	-	-	-	12.257	11.164	1.093	53.000	22.784	30.216
	Vốn nước ngoài; trong đó.	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	- Theo cơ chế ghi thu ghi chi	455.548	-	455.548	455.548	2.027	-	-	-	2.027	2.027	-	13.708	-	13.708
	- Theo cơ chế tài chính trong nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

[illegible]